

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



MỤC LỤC

| STT | NỘI DUNG | Trang |
|-----|---|---------|
| 1 | Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 2 | Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 3 | Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán | |
| | <i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i> | 7 - 8 |
| | <i>Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp</i> | 9 |
| | <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp</i> | 10 |
| | <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp</i> | 11 - 34 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/3/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/6/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 2600104526 ngày 29/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 VND, tổng số Cổ phần là 5.150.000 Cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/Cổ phần.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2021 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

| | | |
|-----------------------|------------------------------|---------------------------|
| Ông Lưu Văn Kính | Chủ tịch hội đồng quản trị | |
| Ông Nguyễn Văn Thuyết | Thành viên hội đồng quản trị | |
| Ông Nguyễn Quốc Khánh | Thành viên hội đồng quản trị | |
| Ông Nguyễn Tiến Thành | Thành viên hội đồng quản trị | |
| Ông Đinh Tiến Thành | Thành viên hội đồng quản trị | |
| Ông Phạm Công Hoan | Thành viên hội đồng quản trị | Miễn nhiệm ngày 21/6/2021 |

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

| | | |
|------------------------|-------------------|--|
| Ông Nguyễn Tiến Thành | Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Tăng Phương | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Đinh Tiến Thành | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Hải Phong | Phó Tổng Giám đốc | |

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm

| | | |
|----------------------|----------------|---------------------------|
| Ông Phạm Xuân Rạng | Trưởng ban | |
| Ông Tạ Như Điển | Kiểm soát viên | Bỏ nhiệm ngày 21/6/2021 |
| Ông Hoàng Mạnh Quảng | Kiểm soát viên | |
| Ông Trần Huy Long | Kiểm soát viên | Miễn nhiệm ngày 21/6/2021 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Tiến Thành, chức vụ Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

8. Cam kết về công bố thông tin

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiên Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 012/2022/BCKTTH-PB.00407



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 3 (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2022, từ trang 7 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi đến ngày 31/12/2021 là 4.110.000.000 VND. Điều này dẫn đến chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" (mã số 137) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán phản ánh thừa số tiền 4.110.000.000 VND. Đồng thời chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (mã số 26) phản ánh thiếu và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (mã số 60) trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phản ánh thừa số tiền nêu trên.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng với giá trị khoảng 59 tỷ VND, công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) với giá trị khoảng 5 tỷ VND, các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn với giá trị khoảng 52 tỷ VND. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên tại ngày 31/12/2021 cũng như việc ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021.

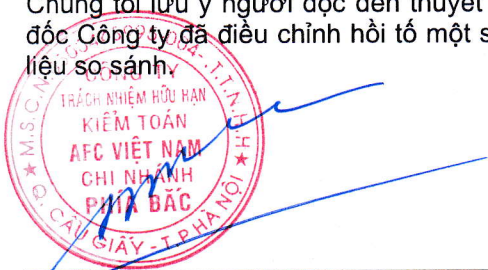
Trong năm 2021 khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2021 ghi nhận trên báo cáo tài chính của Công ty là 482.234.338.193 VND, vượt quá vốn chủ sở hữu là 409.076.909.844 VND. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 417.564.277.928 VND. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc đầu tư tiếp tục của các Cổ đông và việc giãn yêu cầu thanh toán của các chủ nợ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng nào liên quan đến vấn đề nêu trên do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 7.3 của Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính để trình bày lại số liệu so sánh.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM .

- CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

A blue ink signature of Đặng Ngọc Khánh.

ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 2505-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| TÀI SẢN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-------------|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 158.996.101.529 | 181.041.093.088 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 389.690.029 | 223.624.766 |
| 1. | Tiền | 111 | | 389.690.029 | 223.624.766 |
| II. | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 136.505.922.207 | 157.983.235.640 |
| 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 78.338.533.472 | 100.395.770.121 |
| 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 5.970.762.120 | 6.329.848.214 |
| 3. | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.4 | 28.361.313.758 | 28.996.545.662 |
| 4. | Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.5 | (48.113.582.024) | (49.687.823.238) |
| 5. | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | 5.6 | 71.948.894.881 | 71.948.894.881 |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | | 21.816.426.650 | 22.550.170.039 |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | 5.7 | 21.816.426.650 | 22.550.170.039 |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 284.062.643 | 284.062.643 |
| 2. | Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 284.062.643 | 284.062.643 |
| B. | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 8.487.368.084 | 10.755.811.749 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. | Tài sản cố định | 220 | | 4.723.463.611 | 5.569.760.039 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.11 | 4.723.463.611 | 5.569.760.039 |
| | - Nguyên giá | 222 | | 37.132.085.520 | 37.132.085.520 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (32.408.621.909) | (31.562.325.481) |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.9 | - | - |
| | - Nguyên giá | 228 | | 41.620.000 | 41.620.000 |
| | - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (41.620.000) | (41.620.000) |
| III. | Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 5.10 | 1.233.003.176 | 1.078.651.598 |
| 1. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 1.233.003.176 | 1.078.651.598 |
| V. | Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.12 | 166.956.022 | 1.213.254.766 |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | 251 | | 13.084.000.000 | 17.929.000.000 |
| 2. | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (12.917.043.978) | (16.715.745.234) |
| VI. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.363.945.275 | 2.894.145.346 |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.8 | 2.363.945.275 | 2.894.145.346 |
| | TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 167.483.469.613 | 191.796.904.837 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 576.560.379.457 | 589.551.445.130 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 576.560.379.457 | 589.551.445.130 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.13 | 56.140.125.046 | 74.914.625.459 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.15 | 8.827.956.102 | 9.473.835.603 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.14 | 5.001.845.466 | 11.653.139.358 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 3.149.447.329 | 5.277.692.037 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.16 | 14.618.364.416 | 15.257.122.811 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.17 | 69.360.873.469 | 65.876.947.640 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.18 | 419.441.507.894 | 407.077.822.487 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 20.259.735 | 20.259.735 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | (409.076.909.844) | (397.754.540.293) |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.19 | (409.076.909.844) | (397.754.540.293) |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 51.500.000.000 | 51.500.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 51.500.000.000 | 51.500.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 14.250.000.000 | 14.250.000.000 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 7.173.239.116 | 7.173.239.116 |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 234.189.233 | 234.189.233 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (482.234.338.193) | (470.911.968.642) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (470.911.968.642) | (398.084.710.641) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (11.322.369.551) | (72.827.258.001) |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 167.483.469.613 | 191.796.904.837 |



Nguyễn Tiến Thành
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Đức Thịnh
 Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 26.407.134.364 | 73.400.705.123 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 26.407.134.364 | 73.400.705.123 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 24.255.633.952 | 73.323.459.706 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 2.151.500.412 | 77.245.417 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 319.454 | 1.583.583 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 12.074.416.503 | 18.032.401.183 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>11.028.117.759</i> | <i>17.772.661.417</i> |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 5.499.877.637 | 7.537.392.382 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (15.422.474.274) | (25.490.964.565) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 6.5 | 6.593.997.913 | 767.113.109 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.6 | 2.493.893.190 | 48.103.406.545 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 4.100.104.723 | (47.336.293.436) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (11.322.369.551) | (72.827.258.001) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | - |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (11.322.369.551) | (72.827.258.001) |



Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Đức Thịnh
Kê toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (11.322.369.551) | (72.827.258.001) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 846.296.428 | 4.401.872.441 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (5.372.942.470) | 210.379.489 |
| - (Lãi) hoạt động đầu tư | 05 | | (319.454) | 114.800.849.682 |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 11.028.117.759 | 17.772.661.417 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (4.821.217.288) | 64.358.505.028 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 23.051.554.647 | (74.121.159.624) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 733.743.389 | 12.712.143.343 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (22.173.226.436) | (16.485.371.415) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 530.200.071 | (1.435.521.205) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (9.961.817.403) | (2.587.929.846) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (12.640.763.020) | (17.559.333.719) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (154.351.578) | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 90.897.096.000 |
| 3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 597.175.000 | - |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 319.454 | 1.583.583 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 443.142.876 | 90.898.679.583 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 30.175.679.376 | 61.868.974.614 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (17.811.993.969) | (135.059.816.739) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 12.363.685.407 | (73.190.842.125) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 166.065.263 | 148.503.739 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 5.1 | 223.624.766 | 75.121.027 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 5.1 | 389.690.029 | 223.624.766 |



Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/3/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/6/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 2600104526 ngày 29/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 VND, tổng số Cổ phần là 5.150.000 Cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/Cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Thi công, xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng, đường điện và trạm biến thế;
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện đường thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31/12/2021, công ty có 3 công ty con và 2 đơn vị trực thuộc, cụ thể:

| <i>Tên Công ty</i> | <i>Địa chỉ</i> | <i>Tỷ lệ sở hữu</i> | <i>Tỷ lệ biểu quyết</i> |
|---|--|---------------------|-------------------------|
| Công ty Cổ phần Lilama 3.4 | Số 927 Hùng Vương, TP. Việt Trì, Phú Thọ | 59,36% | 59,36% |
| Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo | Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội | 51% | 51% |
| Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long Xí nghiệp Lilama 3.1 | Số 86 Tân Xuân, P. Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội Cụm CN Bạch Hạc, TP. Việt Trì, Phú Thọ | 72% | 72% |
| Trung tâm tư vấn thiết kế | Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội | Chi nhánh | Chi nhánh |

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.4 Lao động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 83 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 117 người).

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn Cổ phần

Thặng dư vốn Cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn Cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn Cổ phần".

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được khách hàng xác nhận trong năm thông qua các bảng tổng hợp khối lượng công việc hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thường và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Nếu doanh nghiệp có hợp đồng có rủi ro lớn, thì nghĩa vụ nợ hiện tại theo hợp đồng phải được ghi nhận và đánh giá như một khoản dự phòng. Hợp đồng có rủi ro lớn là hợp đồng mà trong đó chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó.

4.12 Giá vốn

Phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng hóa tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho mất mát, hao hụt, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có)).

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng bao gồm: Chi phí nhân công tại công trường; Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao gồm cả thiết bị cho công trình; Khấu hao máy móc, thiết bị và các TSCĐ khác sử dụng để thực hiện hợp đồng; Chi phí vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ máy móc, thiết bị và nguyên liệu, vật liệu đến và đi khỏi công trình; Chi phí thuê nhà xưởng, máy móc, thiết bị để thực hiện hợp đồng; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật liên quan trực tiếp đến hợp đồng; Chi phí dự tính để sửa chữa và bảo hành công trình; Các chi phí liên quan trực tiếp khác. (Chi phí liên quan trực tiếp của từng hợp đồng sẽ được giảm khi có các khoản thu nhập khác không bao gồm trong doanh thu của hợp đồng. Ví dụ: Các khoản thu từ việc bán nguyên liệu, vật liệu thừa, thu thanh lý máy móc, thiết bị thi công khi kết thúc hợp đồng.)

Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng xây dựng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng, bao gồm: Chi phí bảo hiểm; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật không liên quan trực tiếp đến một hợp đồng cụ thể; Chi phí quản lý chung trong xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Các chi phí trên được phân bổ theo các phương pháp thích hợp một cách có hệ thống theo tỷ lệ hợp lý và được áp dụng thống nhất cho tất cả các chi phí có các đặc điểm tương tự. Việc phân bổ cần dựa trên mức thông thường của hoạt động xây dựng.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, dụng cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm giảm số lỗ được chuyển khi tính thuế TNDN.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền mặt | 149.365.759 | 30.477.093 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 240.324.270 | 193.147.673 |
| Cộng | 389.690.029 | 223.624.766 |

5.2 Phải thu khách hàng

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|------------------------|
| Phải thu của khách hàng ngắn hạn | 74.228.533.472 | 96.285.770.121 |
| - Công ty Cổ phần TCE Vina DENIM | 547.638.958 | 19.276.000.000 |
| - Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam | 12.256.285.561 | 11.727.140.689 |
| - Công ty CRI - CT Nhiệt Điện Nghi Sơn 2 | 2.606.304.407 | 9.788.050.031 |
| - Công ty Cổ phần Lisemco | 7.166.882.001 | 7.166.882.001 |
| - Công ty Cổ phần mặt dựng CAG | 5.749.308.651 | - |
| - Công ty Cổ Phần Xây dựng FLC FAROS | 5.131.676.500 | 500.000.000 |
| - Khách hàng khác | 40.770.437.394 | 47.827.697.400 |
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan | 4.110.000.000 | 4.110.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long | 4.110.000.000 | 4.110.000.000 |
| Cộng | 78.338.533.472 | 100.395.770.121 |

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5.321.328.720 | 5.959.414.814 |
| - Công ty Cổ phần SXKD Thép Tân Hưng | 866.299.844 | 866.299.844 |
| - Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh | 868.188.137 | 868.188.137 |
| - Khách hàng khác | 3.586.840.739 | 4.224.926.833 |
| Trả trước cho người bán là các bên liên quan | 649.433.400 | 370.433.400 |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long | 649.433.400 | 370.433.400 |
| Cộng | 5.970.762.120 | 6.329.848.214 |

5.4 Các khoản phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Ngắn hạn | 28.361.313.758 | (7.892.648.559) | 28.996.545.662 | (7.892.648.559) |
| - Phải thu khác | 21.539.483.269 | (3.521.925.754) | 22.084.134.168 | (3.521.925.754) |
| - Tạm ứng | 6.821.830.489 | (4.370.722.805) | 6.912.411.494 | (4.370.722.805) |
| Dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | 28.361.313.758 | (7.892.648.559) | 28.996.545.662 | (7.892.648.559) |

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Số đầu năm | |
|---|----------------------|-----------------------|-------------------------|---------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------|-----|
| | | | Dự phòng VND | VND | | | Dự phòng VND | VND |
| a. Phải thu khách hàng | | 38.365.054.066 | (38.326.023.883) | | 39.939.295.280 | (39.900.265.097) | | |
| - Công ty Cổ phần Lisemco | > 3 năm | 7.166.882.001 | (7.166.882.001) | > 3 năm | 7.166.882.001 | (7.166.882.001) | | |
| - Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO) | > 3 năm | 4.206.430.034 | (4.206.430.034) | > 3 năm | 4.206.430.034 | (4.206.430.034) | | |
| - Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng | > 3 năm | 5.283.708.000 | (5.283.708.000) | > 3 năm | 5.283.708.000 | (5.283.708.000) | | |
| - BQLDA Nhà máy bột giấy Phương Nam (Tcty giấy VN) | > 3 năm | 2.663.068.439 | (2.663.068.439) | > 3 năm | 2.663.068.439 | (2.663.068.439) | | |
| - Công ty TNHH KC COTTRELL Việt Nam | > 3 năm | 1.974.479.851 | (1.974.479.851) | > 3 năm | 2.483.932.675 | (2.483.932.675) | | |
| - Công ty Cổ phần Chế tạo máy - TKV | > 3 năm | 1.915.071.667 | (1.915.071.667) | > 3 năm | 1.915.071.667 | (1.915.071.667) | | |
| - Công ty Cổ phần LILAMA5 | > 3 năm | 1.841.160.504 | (1.841.160.504) | > 3 năm | 1.841.160.504 | (1.841.160.504) | | |
| - Công ty TNHH MTV Phiabjoooc | > 3 năm | 1.455.082.688 | (1.455.082.688) | > 3 năm | 1.455.082.688 | (1.455.082.688) | | |
| - Công ty Cổ phần LILAMA Thí nghiệm cơ điện | > 3 năm | 1.240.824.355 | (1.240.824.355) | > 3 năm | 1.240.824.355 | (1.240.824.355) | | |
| - Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình | > 3 năm | 1.027.882.745 | (1.027.882.745) | > 3 năm | 1.027.882.745 | (1.027.882.745) | | |
| - Đối tượng khác | 2-3 năm, > 3 năm | 9.590.463.782 | (9.551.433.599) | 2-3 năm, > 3 năm | 10.655.252.172 | (10.616.221.989) | | |
| b. Phải thu khác | | 7.892.648.559 | (7.892.648.559) | | 7.892.648.559 | (7.892.648.559) | | |
| - Tạm ứng nhân viên | > 3 năm | 4.370.722.805 | (4.370.722.805) | > 3 năm | 4.370.722.805 | (4.370.722.805) | | |
| - Đối tượng khác | > 3 năm | 3.521.925.754 | (3.521.925.754) | > 3 năm | 3.521.925.754 | (3.521.925.754) | | |
| c. Trả trước cho người bán | | 1.894.909.582 | (1.894.909.582) | | 1.894.909.582 | (1.894.909.582) | | |
| - Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh | > 3 năm | 868.188.137 | (868.188.137) | > 3 năm | 868.188.137 | (868.188.137) | | |
| - Đối tượng khác | > 3 năm | 1.026.721.445 | (1.026.721.445) | > 3 năm | 1.026.721.445 | (1.026.721.445) | | |
| Cộng | | 48.152.612.207 | (48.113.582.024) | | 49.726.853.421 | (49.687.823.238) | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------|-------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị VND | Số lượng | Giá trị VND |
| - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i) | | 71.391.018.932 | | 71.391.018.932 |
| - Tài sản khác | | 557.875.949 | | 557.875.949 |
| Cộng | - | 71.948.894.881 | - | 71.948.894.881 |

(i): Chi phí đầu tư dự án Nhà máy Bạch hạc chưa đủ điều kiện quyết toán theo quy định.

5.7 Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 1.681.263.126 | - | 1.749.110.713 | - |
| - Công cụ, dụng cụ | 393.328 | - | 1.338.538 | - |
| - Chi phí SXKD dở dang | 20.134.770.196 | - | 20.799.720.788 | - |
| Cộng | 21.816.426.650 | - | 22.550.170.039 | - |

5.8 Chi phí trả trước

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Ngắn hạn | - | - |
| Dài hạn | 2.363.945.275 | 2.894.145.346 |
| - Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn | 1.471.029.495 | 2.894.145.346 |
| - Chi phí sửa chữa TSCĐ | 44.455.797 | - |
| - Các khoản khác | 848.459.983 | - |
| Cộng | 2.363.945.275 | 2.894.145.346 |

5.9 Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Cộng VND |
|------------------------|-----------------------|------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Số đầu năm | 41.620.000 | 41.620.000 |
| Số cuối năm | 41.620.000 | 41.620.000 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN | | |
| Số đầu năm | 41.620.000 | 41.620.000 |
| Số cuối năm | 41.620.000 | 41.620.000 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Số đầu năm | - | - |
| Số cuối năm | - | - |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 41.620.000 VND (tại ngày 31/12/2020 là 41.620.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | - | - |
| - Xưởng sản xuất bột giấy Yên Lập | 577.910.298 | 577.910.298 |
| - Hạ tầng khu C | 500.741.300 | 500.741.300 |
| - Nhà xưởng Bến Gót | 154.351.578 | - |
| Cộng | <u>1.233.003.176</u> | <u>1.078.651.598</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.11 Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|--------------------------|---------------------|---------------------------------------|--------------------------------|----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số đầu năm | 460.600.507 | 22.250.647.983 | 13.946.912.031 | 473.924.999 | 37.132.085.520 |
| - Mua trong năm | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 460.600.507 | 22.250.647.983 | 13.946.912.031 | 473.924.999 | 37.132.085.520 |
| HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số đầu năm | 460.600.507 | 17.816.599.056 | 12.811.200.919 | 473.924.999 | 31.562.325.481 |
| - Khấu hao trong năm | - | 693.544.156 | 152.752.272 | - | 846.296.428 |
| Số cuối năm | 460.600.507 | 18.510.143.212 | 12.963.953.191 | 473.924.999 | 32.408.621.909 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Số đầu năm | - | 4.434.048.927 | 1.135.711.112 | - | 5.569.760.039 |
| Số cuối năm | - | 3.740.504.771 | 982.958.840 | - | 4.723.463.611 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 28.957.282.535 VND (tại ngày 31/12/2020 là 25.082.036.914 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND |
| Đầu tư vào công ty con | 13.084.000.000 | - (12.917.043.978) | 17.929.000.000 | - (16.715.745.234) |
| - Công ty Cổ phần Lilama 3.3 | - | - | 4.845.000.000 | (i) (4.845.000.000) |
| - Công ty Cổ phần Lilama 3.4 | 2.990.000.000 | (i) (2.990.000.000) | 2.990.000.000 | (i) (2.990.000.000) |
| - Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toroyo | 5.814.000.000 | (i) (5.647.043.978) | 5.814.000.000 | (i) (4.600.745.234) |
| - Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long | 4.280.000.000 | (i) (4.280.000.000) | 4.280.000.000 | (i) (4.280.000.000) |
| Cộng | 13.084.000.000 | - (12.917.043.978) | 17.929.000.000 | - (16.715.745.234) |

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5.13 Phải trả người bán

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn | 52.587.651.382 | 52.587.651.382 | 71.286.151.795 | 71.286.151.795 |
| - Công ty Cổ phần Thép Tân Hưng | 11.012.855.207 | 11.012.855.207 | 11.032.855.207 | 11.032.855.207 |
| - Công ty TNHH Công nghiệp OKWON (Liên danh CT Dệt) | - | - | 19.773.908.747 | 19.773.908.747 |
| - Cty TNHH MTV Thiết bị cơ khí Duyên Thế Kỹ VN | 2.313.327.461 | 2.313.327.461 | 2.313.327.461 | 2.313.327.461 |
| - Phải trả khác | 39.261.468.714 | 39.261.468.714 | 38.166.060.380 | 38.166.060.380 |
| b. Các khoản phải trả người bán là bên liên quan | 3.552.473.664 | 3.552.473.664 | 3.628.473.664 | 3.628.473.664 |
| - Công ty Cổ Phần LILAMA3.4 | 1.780.352.518 | 1.780.352.518 | 1.756.352.518 | 1.756.352.518 |
| - Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toroyo | 1.772.121.146 | 1.772.121.146 | 1.872.121.146 | 1.872.121.146 |
| Cộng | 56.140.125.046 | 56.140.125.046 | 74.914.625.459 | 74.914.625.459 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số cuối năm VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã nộp, đã giảm trong năm VND | Số đầu năm VND |
|--------------------------------------|----------------------|---------------------------------|--|-----------------------|
| a. Thuế và các khoản phải nộp | 5.001.845.466 | 2.776.038.010 | 9.427.331.902 | 11.653.139.358 |
| - Thuế giá trị gia tăng phải nộp | 4.491.315.577 | 2.640.713.514 | 8.312.055.245 | 10.162.657.308 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 405.646.724 | 27.102.453 | 847.030.473 | 1.225.574.744 |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 34.249.731 | - | - | 34.249.731 |
| - Các loại thuế khác | 70.633.434 | 108.222.043 | 268.246.184 | 230.657.575 |
| Cộng | 5.001.845.466 | 2.776.038.010 | 9.427.331.902 | 11.653.139.358 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.15 Người mua trả tiền trước

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 8.827.956.102 | 9.473.835.603 |
| - Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng | 2.882.458.062 | 2.882.458.062 |
| - Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn | 2.101.516.200 | 2.101.516.200 |
| - Tổng Công ty Viễn Thông Quân Đội- Viettel | 785.000.000 | 785.000.000 |
| - Khách hàng khác | 3.058.981.840 | 3.704.861.341 |
| Người mua trả tiền trước là các bên liên quan | - | - |
| Cộng | 8.827.956.102 | 9.473.835.603 |

5.16 Chi phí phải trả

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | 14.618.364.416 | 15.257.122.811 |
| - Trích trước chi phí công trình | 5.625.156.713 | 7.432.824.199 |
| - Trích trước thuê cơ sở hạ tầng | 5.449.540.424 | 5.122.267.697 |
| - Trích trước chi phí khác | 3.543.667.279 | 2.702.030.915 |
| b. Dài hạn | - | - |
| Cộng | 14.618.364.416 | 15.257.122.811 |

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | 69.360.873.469 | 65.876.947.640 |
| - Kinh phí công đoàn | 1.509.008.997 | 1.430.203.479 |
| - Bảo hiểm xã hội | 35.008.281.619 | 31.444.725.994 |
| - Bảo hiểm y tế | 2.656.753.371 | 2.379.865.784 |
| - Bảo hiểm thất nghiệp | 2.718.254.303 | 2.599.997.656 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 27.468.575.179 | 28.022.154.727 |
| + Đoàn phí công đoàn | 981.706.797 | 939.596.569 |
| + Phải trả các tổ đội thi công | 16.466.896.318 | 15.712.733.598 |
| + Phải trả đối tượng khác | 10.019.972.064 | 11.369.824.560 |
| b. Dài hạn | - | - |
| Cộng | 69.360.873.469 | 65.876.947.640 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

| TT | Nội dung | Số cuối năm | | Trong năm | | Số đầu năm | |
|------------------------|--|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Vay ngắn hạn | | 419.441.507.894 | 419.441.507.894 | 30.175.679.376 | 17.811.993.969 | 407.077.822.487 | 407.077.822.487 |
| - | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Ba Đình ⁽¹⁾ | 29.992.492.765 | 29.992.492.765 | 11.785.110.741 | 10.786.993.969 | 28.994.375.993 | 28.994.375.993 |
| - | Vay cá nhân ⁽²⁾ | 6.440.000.000 | 6.440.000.000 | 9.729.000.000 | 7.025.000.000 | 3.736.000.000 | 3.736.000.000 |
| - | Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo | 1.450.000.000 | 1.450.000.000 | - | - | 1.450.000.000 | 1.450.000.000 |
| - | Nợ dài hạn đến hạn trả - Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam ⁽³⁾ | 381.559.015.129 | 381.559.015.129 | 8.661.568.635 | - | 372.897.446.494 | 372.897.446.494 |
| b) Vay dài hạn | | - | - | - | - | - | - |
| | Cộng | 419.441.507.894 | 419.441.507.894 | 30.175.679.376 | 17.811.993.969 | 407.077.822.487 | 407.077.822.487 |

⁽¹⁾ Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/399106/HĐTD ngày 16/11/2021 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức đến hết 31/10/2022. Hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ VND. Lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản theo Hợp đồng Tài sản đảm bảo với Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình.

⁽²⁾ Vay ngắn hạn của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay từ 6-12 tháng, lãi suất 3-5%/năm, hình thức đảm bảo: tín chấp.

⁽³⁾ Phải trả Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo các khoản nợ vay, nợ phải trả mã Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã mua lại. Cuối năm 2021 số tiền nợ gốc là 148.705.200.000 VND, số tiền lãi là 232.853.815.129 VND. Cụ thể số dư nợ theo các Hợp đồng mua bán nợ sau:

- Hợp đồng mua bán nợ số 33/2013-HĐMBN ngày 28/06/2013 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (tên mới là Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam). Mua bán lại số nợ của Công ty CP Lilama 3 với NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh với số nợ gốc là 208.298.749.263 VND, tiền lãi và phạt chậm trả là 52.992.855.579 VND. Tài sản đảm bảo của khoản nợ là Các máy móc thiết bị vận tải, sản phẩm CYNCRROLIFT và toàn bộ máy móc thiết bị nhà xưởng hình thành từ dự án "Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu".

- Hợp đồng mua bán nợ số 35/2013-HĐMBN ngày 04/07/2013 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (tên mới là Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam). Mua bán lại số nợ của Công ty CP Lilama 3 với NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương với số nợ gốc là 6.395.342.929 VND, tiền lãi và phạt chậm trả là 2.795.112.384 VND. Tài sản đảm bảo của khoản nợ là toàn bộ kết cấu thép cầu Suối Mường Toa thuộc dự án thủy điện Nậm Toóng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

- Hợp đồng mua bán nợ và chuyển nhượng Cổ phần số 18/2016-HĐMBN-CP ngày 30/03/2016 giữa Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV với Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam. Mua bán lại số công nợ phải trả của Công ty CP Lilama 3 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV với số nợ gốc là 53.391.000.000 VND, tiền lãi phải trả là 23.906.350.625 VND. Cùng với đó là 2.563.600 Cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/Cổ phần.

5.19 Vốn chủ sở hữu**5.19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| Khoản mục | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | Thặng dư vốn cổ phần | | Quỹ đầu tư phát triển | | Quỹ khác thuộc VCSH | | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | Tổng cộng | |
|---|------------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|-----|---|-----|-----------|-----|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| 01/01/2020 | 51.500.000.000 | 14.250.000.000 | 7.173.239.116 | 234.189.233 | (398.084.710.641) | (324.927.282.292) | | | | | | |
| - Lỗ trong năm trước 31/12/2020 | - | - | - | - | (72.827.258.001) | (72.827.258.001) | | | | | | |
| | 51.500.000.000 | 14.250.000.000 | 7.173.239.116 | 234.189.233 | (470.911.968.642) | (397.754.540.293) | | | | | | |
| 01/01/2021 | 51.500.000.000 | 14.250.000.000 | 7.173.239.116 | 234.189.233 | (470.911.968.642) | (397.754.540.293) | | | | | | |
| - Lỗ trong năm nay 31/12/2021 | - | - | - | - | (11.322.369.551) | (11.322.369.551) | | | | | | |
| | 51.500.000.000 | 14.250.000.000 | 7.173.239.116 | 234.189.233 | (482.234.338.193) | (409.076.909.844) | | | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

5.19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| Cổ đông | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) | 25.630.000.000 | 25.630.000.000 |
| - Vốn góp của cổ đông khác | 25.870.000.000 | 25.870.000.000 |
| Cộng | 51.500.000.000 | 51.500.000.000 |

5.19.3 Cổ phiếu

| | Số cuối năm CP | Số đầu năm CP |
|---|-------------------|------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.150.000 | 5.150.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 5.150.000 | 5.150.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 5.150.000 | 5.150.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 5.150.000 | 5.150.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 5.150.000 | 5.150.000 |
| <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i> | <i>10.000</i> | <i>10.000</i> |

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Doanh thu hoạt động xây lắp | 26.407.134.364 | 73.400.705.123 |
| Cộng | 26.407.134.364 | 73.400.705.123 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Giá vốn hoạt động xây lắp | 24.255.633.952 | 73.323.459.706 |
| Cộng | 24.255.633.952 | 73.323.459.706 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------|----------------|------------------|
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 319.454 | 1.583.583 |
| Cộng | 319.454 | 1.583.583 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

6.4. Chi phí tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí lãi vay | 11.028.117.759 | 17.772.661.417 |
| - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 1.046.298.744 | 259.739.766 |
| Cộng | 12.074.416.503 | 18.032.401.183 |

6.5. Thu nhập khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------|----------------------|--------------------|
| - Bán phế liệu | 1.348.267.000 | 741.296.000 |
| - Các khoản khác | 5.245.730.913 | 25.817.109 |
| Cộng | 6.593.997.913 | 767.113.109 |

6.6. Chi phí khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|----------------------|-----------------------|
| - Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ | - | 44.869.747.600 |
| - Các khoản bị phạt | 2.108.069.884 | 2.904.206.212 |
| - Bán vật tư | 336.076.710 | 324.452.733 |
| - Các khoản chi phí khác | 49.746.596 | 5.000.000 |
| Cộng | 2.493.893.190 | 48.103.406.545 |

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí nguyên vật liệu | 13.481.845.899 | 21.295.072.372 |
| - Chi phí nhân công | 10.200.883.058 | 23.252.623.598 |
| - Khấu hao tài sản cố định | 846.296.428 | 4.401.872.439 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.760.666.441 | 17.622.092.531 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 800.869.171 | 1.496.544.416 |
| Cộng | 29.090.560.997 | 68.068.205.356 |

6.8. Công cụ tài chính**Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Các loại công cụ tài chính

| | Số cuối năm VND | Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND |
|--------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 389.690.029 | 223.624.766 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 106.699.847.230 | 129.392.315.783 |
| Đầu tư dài hạn | 166.956.022 | 1.213.254.766 |
| Cộng | 107.256.493.281 | 130.829.195.315 |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Vay và nợ | 419.441.507.894 | 407.077.822.487 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 83.608.700.225 | 102.936.780.186 |
| Chi phí phải trả | 14.618.364.416 | 15.257.122.811 |
| Cộng | 517.668.572.535 | 525.271.725.484 |
| Trạng thái ròng | (410.412.079.254) | (394.442.530.169) |

Tại ngày 31/12/2021 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1-5 năm VND | Tổng VND |
|-------------------------------------|------------------------|-------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Vay và nợ thuê tài chính | 419.441.507.894 | - | 419.441.507.894 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 83.608.700.225 | - | 83.608.700.225 |
| Chi phí phải trả | 14.618.364.416 | - | 14.618.364.416 |
| Cộng | 517.668.572.535 | - | 517.668.572.535 |
| Số đầu năm | | | |
| Vay và nợ thuê tài chính | 407.077.822.487 | - | 407.077.822.487 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 102.936.780.186 | - | 102.936.780.186 |
| Chi phí phải trả | 15.257.122.811 | - | 15.257.122.811 |
| Cộng | 525.271.725.484 | - | 525.271.725.484 |

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1-5 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 389.690.029 | - | 389.690.029 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 106.699.847.230 | - | 106.699.847.230 |
| Đầu tư dài hạn | - | 166.956.022 | 166.956.022 |
| Cộng | 107.089.537.259 | 166.956.022 | 107.256.493.281 |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 223.624.766 | - | 223.624.766 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 129.392.315.783 | - | 129.392.315.783 |
| Đầu tư dài hạn | - | 1.213.254.766 | 1.213.254.766 |
| Cộng | 129.615.940.549 | 1.213.254.766 | 130.829.195.315 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.9 Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh chế tạo, lắp đặt thiết bị cũng như chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

7 Thông tin khác**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt:

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| | | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lương, thù lao HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng | | | |
| - Lưu Văn Kính | Chủ tịch HĐQT | 36.000.000 | 36.000.000 |
| - Nguyễn Văn Thuyết | Thành viên HĐQT | 30.000.000 | 30.000.000 |
| - Nguyễn Quốc Khánh | Thành viên HĐQT | 30.000.000 | 30.000.000 |
| - Phạm Công Hoan | Thành viên HĐQT | 27.500.000 | 100.838.693 |
| - Nguyễn Tiến Thành | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc | 242.505.077 | 240.895.387 |
| - Đinh Tiến Thành | Thành viên HĐQT - Phó TGD | 187.791.363 | 168.977.492 |
| - Nguyễn Hải Phong | Phó TGD | 108.992.966 | 108.867.085 |
| - Nguyễn Tăng Phương | Phó TGD | 154.973.118 | 169.198.492 |
| - Phạm Xuân Rạng | Trưởng BKS | 30.000.000 | 30.000.000 |
| - Hoàng Mạnh Quảng | Kiểm soát viên | 24.000.000 | 24.000.000 |
| - Trần Huy Long | Kiểm soát viên | 10.000.000 | 24.000.000 |
| - Tạ Như Điển | Kiểm soát viên | 78.432.327 | - |
| - Nguyễn Đức Thịnh | Kế toán trưởng | 170.291.363 | 168.977.492 |
| Tổng cộng | | 1.130.486.214 | 1.131.754.641 |

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị giao dịch (VND) |
|--|-------------|--------------------|----------------------------|
| Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam | Cổ đông lớn | Lãi vay phải trả | 8.661.568.635 |
| Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo | Công ty con | Lãi vay phải trả | 132.312.500 |

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Phải thu/(Phải trả) (VND) |
|--|-------------|---------------------|---------------------------|
| Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam | Cổ đông lớn | Vay | (381.559.015.129) |
| Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo | Công ty con | Vay | (1.450.000.000) |
| | | Phải trả người bán | (1.772.121.146) |
| | | Phải thu khác | 3.192.000 |
| | | Phải trả khác | 1.335.637.503 |
| Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long | Công ty con | Phải thu khách hàng | 4.110.000.000 |
| Công ty Cổ Phần LILAMA3.4 | Công ty con | Phải trả người bán | (1.780.352.518) |
| | | Phải thu khác | 193.448.671 |
| | | Phải trả khác | (305.000.000) |

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và số liệu so sánh năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp là số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/6/2021, cụ thể:

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

| Chỉ tiêu | Sau điều chỉnh | Ngày 31/12/2020 | |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------------------|
| | | Trước điều chỉnh | Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-) |
| TÀI SẢN | | | 71.391.018.932 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 71.948.894.881 | 557.875.949 | 71.391.018.932 |
| NGUỒN VỐN | | | 71.391.018.932 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | (470.911.968.642) | (542.302.987.574) | 71.391.018.932 |

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

| Chỉ tiêu | Sau điều chỉnh | Năm 2020 | |
|------------------------------|------------------|-------------------|--------------------------------|
| | | Trước điều chỉnh | Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-) |
| Chi phí khác | 48.103.406.545 | 119.494.425.477 | (71.391.018.932) |
| Lợi nhuận khác | (47.336.293.436) | (118.727.312.368) | 71.391.018.932 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | (72.827.258.001) | (144.218.276.933) | 71.391.018.932 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | (72.827.258.001) | (144.218.276.933) | 71.391.018.932 |

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Năm 2020

| Chỉ tiêu | Sau điều chỉnh | Trước điều chỉnh | Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-) |
|-------------------------------|------------------|-------------------|--------------------------------|
| Tăng, giảm các khoản phải thu | (74.121.159.624) | (2.730.140.692) | (71.391.018.932) |
| Lợi nhuận trước thuế | (72.827.258.001) | (144.218.276.933) | 71.391.018.932 |

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm 31/12/2021 khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty là 482.234.338.193 VND, vượt quá vốn chủ sở hữu là 409.076.909.844 VND. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 417.564.277.928 VND. Các chỉ tiêu nêu trên cho thấy Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Ban Tổng Giám đốc đã có kế hoạch mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 sẽ khả quan, do đó theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.



Nguyễn Tiên Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập biểu